

New 6 Series | CDB6i

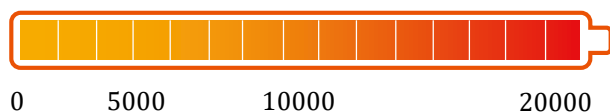
Miniature Circuit Breaker

DELIXI

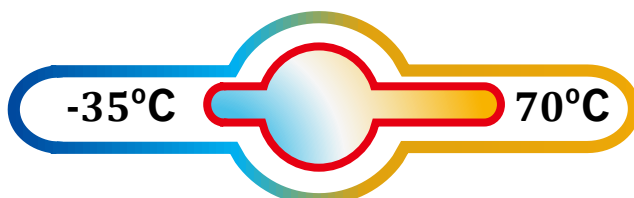


NĂM 2023

Độ bền cơ học cao (lần)



Dải nhiệt độ làm việc rộng



TỐI ƯU SỰ LỰA CHỌN



trang

❖ Cầu dao tự động – MCB	01
❖ Cầu dao tự động dạng khối – MCCB	03
❖ Cầu dao chống dòng rò và quá tải - RCBO	03
❖ Cầu dao chống dòng rò- RCCB	04
❖ Khởi động từ (Contactor)	05
❖ Khởi động từ dạng hộp	05
❖ Contactor cho tụ bù	06
❖ Relay nhiệt	06
❖ Bảo vệ mất pha	07
❖ Contactor dạng tép	07
❖ Khởi động động cơ	07
❖ Chống sét lan truyền	08
❖ Relay hẹn giờ	08
❖ Tụ bù	08
❖ Đèn báo pha, nút nhấn	09
❖ Tủ điện âm tường	09
❖ Biến tần solar	10

CDB6i
Loại 63A

- ✓ Tiêu chuẩn IEC/EN 60898-1
- ✓ Dòng cắt: Icu = 6.000A
- ✓ Điện áp : 230/400 VAC

- ✓ Tần số hoạt động: 50/60 Hz
- ✓ Đặc tính : loại C (5-10In)
- ✓ Số pha : 1P, 2P, 3P, 4P

❖ Đặc điểm



Thiết kế tối ưu
Thiết kế thẩm
mỹ, vỏ cách điện
và chịu nhiệt. An
toàn cho người
sử dụng



Nút gạt bật tắt Thiết kế gọn nhẹ.
Nút gạt bật tắt được thiết kế tối ưu,
giảm áp lực từ ngón tay

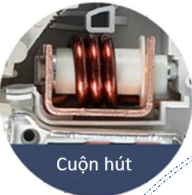


Logo DELIXI. Đảm bảo xuất xứ.
Sản phẩm cao cấp, Dịch vụ chuyên
nghiệp



Chứng nhận
CCC. Chất
lượng đảm
bảo. Đảm
bảo an toàn
tuyệt đối cho
người sử
dụng và môi
trường

❖ Cấu tạo



Cuộn hút



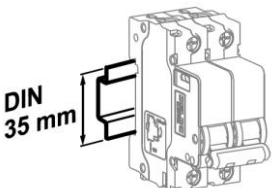
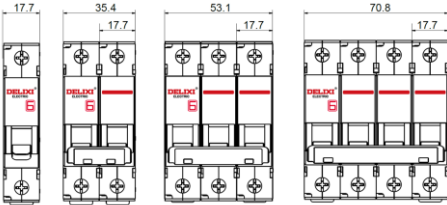
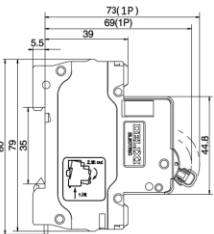
Buồng dập
hồ quang



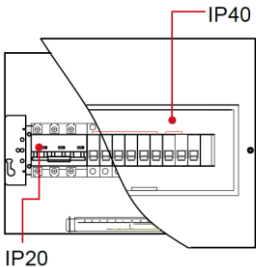
Đầu nối dây
điện cao cấp



❖ Kích thước



DIN
35 mm



IP20

MCB 1P, 6kA, 230/400 VAC, C curve



Mã hàng	Dòng điện	Đơn giá (VNĐ)
CDB6i1C6	6A	58,000
CDB6i1C10	10A	58,000
CDB6i1C16	16A	58,000
CDB6i1C20	20A	58,000
CDB6i1C25	25A	58,000
CDB6i1C32	32A	58,000
CDB6i1C40	40A	58,000
CDB6i1C50	50A	68,000
CDB6i1C63	63A	68,000

MCB 2P, 6kA, 230/400 VAC, C curve



Mã hàng	Dòng điện	Đơn giá (VNĐ)
CDB6i2C6	6A	133,000
CDB6i2C10	10A	133,000
CDB6i2C16	16A	133,000
CDB6i2C20	20A	133,000
CDB6i2C25	25A	133,000
CDB6i2C32	32A	133,000
CDB6i2C40	40A	133,000
CDB6i2C50	50A	154,000
CDB6i2C63	63A	154,000

MCB 3P, 6kA, 230/400 VAC, C curve



Mã hàng	Dòng điện	Đơn giá (VNĐ)
CDB6i3C6	6A	220,000
CDB6i3C10	10A	220,000
CDB6i3C16	16A	220,000
CDB6i3C20	20A	220,000
CDB6i3C25	25A	220,000
CDB6i3C32	32A	220,000
CDB6i3C40	40A	220,000
CDB6i3C50	50A	255,000
CDB6i3C63	63A	255,000

MCB 4P, 6kA, 230/400 VAC, C curve



Mã hàng	Dòng điện	Đơn giá (VNĐ)
CDB6i4C20	20A	390,000
CDB6i4C25	25A	390,000
CDB6i4C32	32A	390,000
CDB6i4C40	40A	390,000
CDB6i4C50	50A	447,000
CDB6i4C63	63A	447,000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG - MCB.

DELIXI

CDB6i

Loại 125A

- ✓ Tiêu chuẩn IEC60947-2
- ✓ Dòng cắt: Icu = 10.000A
- ✓ Điện áp : 230/400 VAC

- ✓ Tần số hoạt động: 50 Hz/60 Hz
- ✓ Đặc tính : loại C (5-10In)
- ✓ Số pha : 1P, 2P, 3P, 4P

MCB 10kA, 230/400 VAC, C curve



Mã Hàng	Loại	Dòng cắt	Số pha	Dòng định mức	Đơn giá (VND)
CDB6i1251C63	125A	10kA	1P	63A	160,000
CDB6i1251C80				80A	230,000
CDB6i1251C100				100A	230,000
CDB6i1251C125				125A	230,000
CDB6i1252C63			2P	63A	305,000
CDB6i1252C80				80A	425,000
CDB6i1252C100				100A	425,000
CDB6i1252C125				125A	425,000
CDB6i1253C63			3P	63A	465,000
CDB6i1253C80				80A	705,000
CDB6i1253C100				100A	705,000
CDB6i1253C125				125A	705,000
CDB6i1254C63			4P	63A	657,000
CDB6i1254C80				80A	905,000
CDB6i1254C100				100A	905,000
CDB6i1254C125				125A	905,000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI - MCCB.

CDM3S

- ✓ Tiêu chuẩn IEC60947-2
- ✓ Điện áp : 400 VAC

- ✓ Tần số hoạt động: 50/60 Hz
- ✓ Đặc tính : loại C (5-10In)



Mã Hàng	Loại	Dòng cắt	Số pha	Dòng định mức	Đơn giá (VND)
CDM3S125C162300	125A	C25kA	2P	16A	780,000
CDM3S125C202300				20A	840,000
CDM3S125C252300				25A	840,000
CDM3S125C322300				32A	840,000
CDM3S125C402300				40A	840,000
CDM3S125C502300				50A	840,000
CDM3S125C632300				63A	840,000
CDM3S125C802300				80A	840,000
CDM3S125C1002300				100A	960,000
CDM3S125C1252300				125A	960,000
CDM3S160S1402300	160A	S35kA		140A	1,130,000
CDM3S160S1602300				160A	1,130,000
CDM3S250S1802300	250A			180A	1,340,000
CDM3S250S2002300				200A	1,340,000
CDM3S250S2252300				225A	1,340,000
CDM3S250S2202300				250A	1,340,000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI - MCCB.

CDM6i

- ✓ Tiêu chuẩn IEC60947-2
- ✓ Tần số hoạt động: 50/60 Hz
- ✓ Điện áp : 400 VAC
- ✓ Đặc tính : loại C (5-10In)
- ✓ Số pha : 3P



Mã Hàng	Loại	Dòng cắt	Số pha	Dòng định mức	Đơn giá (VND)
CDM6i63L103300	63A	L35kA	3P	10A	710,000
CDM6i63L163300				16A	710,000
CDM6i63L203300				20A	752,000
CDM6i63L253300				25A	752,000
CDM6i63L323300				32A	775,000
CDM6i63L403300				40A	775,000
CDM6i63L503300				50A	775,000
CDM6i63L633300				63A	836,000
CDM6i100L803300	100A			80A	910,000
CDM6i100L1003300				100A	910,000
CDM6i160L1603300	160A			160A	1,466,000
CDM6i250L1603300	250A			160A	1,706,000
CDM6i250L1803300				180A	1,706,000
CDM6i250L2003300				200A	1,718,000
CDM6i250L2253300				225A	1,718,000
CDM6i250L2503300				250A	1,718,000
CDM6i400M3153300	400A	M50kA	315A	3,950,000	
CDM6i400M3503300			350A	3,950,000	
CDM6i400M4003300			400A	3,950,000	
CDM6i630M5003300	630A		500A	5,000,000	
CDM6i630M6303300			630A	5,000,000	
CDM6Ei-125M323300	125A		M50kA	3P	32A
CDM6Ei-125M633300		63A			3,365,000
CDM6Ei-125M1253300		125A			3,365,000
CDM6Ei-250M1603300	250A	160A			3,650,000
CDM6Ei-250M2503300		250A			3,650,000
CDM6Ei-400M4003300	400A	400A			5,920,000
CDM6Ei-630M6303300	630A	630A			8,100,000

CẦU DAO CHỐNG RÒ VÀ QUÁ TẢI - RCBO

CDB6LESi



- ✓ Tiêu chuẩn IEC/EN 60898-1
 - ✓ Dòng cắt: Icu = 6.000A
 - ✓ Điện áp : 230/400 VAC
 - ✓ Tần số hoạt động: 50/60 Hz
- ✓ Số pha: 1P+ N
 - ✓ Dòng rò: 30 mA
 - ✓ Đặc tính : loại C (5-10In)

Mã Hàng	Dòng định mức	Đơn giá (VNĐ)
CDB6LESi1C6	6A	390,000
CDB6LESi1C10	10A	390,000
CDB6LESi1C16	16A	390,000
CDB6LESi1C20	20A	390,000
CDB6LESi1C25	25A	390,000
CDB6LESi1C32	32A	390,000
CDB6LESi1C40	40A	390,000
CDB6LESi1C50	50A	520,000
CDB6LESi1C63	63A	520,000

CẦU DAO CHỐNG RÒ – RCCB 2P

CDL6i



- ✓ Tiêu chuẩn IEC/EN 60898-1
- ✓ Dòng cắt: Icu = 6.000A
- ✓ Điện áp : 230/400 VAC
- ✓ Tần số hoạt động: 50 Hz/ 60 Hz
- ✓ Đặc tính : loại C (5-10In)

Mã hàng	Dòng định mức (A)	Dòng rò	Đơn giá (VNĐ)
CDL6i210SC	10	30mA	540,000
CDL6i216SC	16		540,000
CDL6i20SC	20		540,000
CDL6i25SC	25		540,000
CDL6i232SC	32		540,000
CDL6i240SC	40		540,000
CDL6i263SC	63		540,000
CDL6i280SC	80		740,000
CDL6i2100SC	100		740,000
CDL6i210YC	10	100mA	540,000
CDL6i216YC	16		540,000
CDL6i20YC	20		540,000
CDL6i25YC	25		540,000
CDL6i232YC	32		540,000
CDL6i240YC	40		540,000
CDL6i263YC	63		540,000
CDL6i280YC	80		740,000
CDL6i2100YC	100		740,000

KHỞI ĐỘNG TỪ
(CONTACTOR)

DELIXI

CDC6H

- ✓ Tiêu chuẩn IEC60947-4-1
- ✓ Điện áp : 220/380 VAC
- ✓ Tần số hoạt động: 50/60 Hz
- ✓ Số pha : 3P
- ✓ Tiếp điểm phụ: 11(1NO+1NC)
- ✓ Điện áp cuộn hút: 220V



Mã Hàng	Dòng định mức	Đơn giá (VNĐ)
CDC6H0911M7	09A	223,000
CDC6H1211M7	12A	248,000
CDC6H1811M7	18A	365,000
CDC6H2511M7	25A	424,000
CDC6H3211M7	32A	594,000
CDC6H3811M7	38A	728,000
CDC6H4011M7	40A	945,000
CDC6H5011M7	50A	980,000
CDC6H6511M7	65A	1,350,000
CDC6H8011M7	80A	1,870,000
CDC6H9511M7	95A	1,980,000
CDC6H12022M	120A	3,950,000
CDC6H16022M	160A	4,060,000
CDC6H18522M	185A	5,100,000
CDC6H22522M	225A	5,290,000
CDC6H26522M	265A	8,100,000
CDC6H33022M	330A	9,800,000
CDC6H40022M	400A	10,200,000
CDC6H50022M	500A	18,500,000
CDC6H63022M	630A	19,600,000

Tiếp điểm phụ Contactor	Loại	Mã hàng	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
	1NO + 1NC	FC611	Tiếp điểm phụ gắn ở mặt trên	80,000
	1NO + 1NC	FD611	Tiếp điểm phụ gắn ở mặt bên	80,000
	2NO + 2NC	FD622	Tiếp điểm phụ gắn ở mặt bên	130,000

KHỞI ĐỘNG TỪ
DẠNG HỘP
CDS2



- ✓ Tiêu chuẩn IEC 60947-4
- ✓ Điện áp : 220/380 VAC
- ✓ Tần số hoạt động: 50/60 Hz
- ✓ Số pha : 3P
- ✓ Sử dụng cho động cơ 3 pha

Mã hàng	Dòng điện cài đặt	Công suất (kw)	Điện áp	Đơn giá (VNĐ)
CDS2s13BP16	0.16A		380V	790,000
CDS2s13BP25	0.25A		380V	790,000
CDS2s13BP4	0.4A		380V	790,000
CDS2s13BP63	0.63A		380V	790,000
CDS2s13BP16	1A		380V	790,000
CDS2s13B1P6	1.6A	0.37	380V	790,000
CDS2s13B2P5	2.5A	0.75	380V	790,000
CDS2s13B04	4A	1.5	380V	790,000
CDS2s13B06	6A	2.2	380V	790,000
CDS2s13B08	8A	3	380V	790,000
CDS2s13B10	10A	4	380V	790,000
CDS2s13B13	13A	5.5	380V	790,000
CDS2s32B18	18A	7.5	380V	890,000
CDS2s32B25	25A	11	380V	1,010,000
CDS2s32B32	32A	15	380V	1,550,000
CDS2s65B40	40A	18.5	380V	1,903,000
CDS2s65B50	50A	22	380V	2,150,000
CDS2s65B65	65A	30	380V	2,330,000

CDC19S

- ✓ Tiêu chuẩn IEC 60947 4-1
- ✓ Điện áp : 230/400 VAC
- ✓ Dòng định mức : 25A -> 95A
- ✓ Tiếp điểm phụ: 11 (1NO +1NC)



Mã Hàng	Loại	Dòng định mức (A)	Tiếp điểm phụ	Đơn giá (VND)
CDC19S2511M7	dùng cho tụ 15kvar	25A	11(1NO+1NC)	514,000
CDC19S3211M7	dùng cho tụ 20kvar	32A	11(1NO+1NC)	785,000
CDC19S4311M7	dùng cho tụ 25kvar	43A	11(1NO+1NC)	1,052,000
CDC19S6312M7	dùng cho tụ 30kvar	63A	12(1NO+2NC)	1,460,000
CDC19S9512M7	dùng cho tụ 50kvar	95A	12(1NO+2NC)	2,190,000

RELAY NHIỆT (RỜ LE)
CDR6H



- ✓ Tiêu chuẩn IEC 60947 4-1
- ✓ Điện áp : 230/400 VAC
- ✓ Sử dụng để bảo vệ động cơ, bảo vệ pha

Mã hàng	Mô tả	Loại	Dòng điện cài đặt	Đơn giá (VND)
CDR6H25P16	Dùng cho HDC6H (09 ->38)	25A	0.1-0.16A	225,000
CDR6H25P25	Dùng cho HDC6H (09 ->38)	25A	0.16-0.25A	225,000
CDR6H25P4	Dùng cho HDC6H (09 ->38)	25A	0.25-0.4A	225,000
CDR6H25P63	Dùng cho HDC6H (09 ->38)	25A	0.4-0.63A	225,000
CDR6H251	Dùng cho HDC6H (09 ->38)	25A	0.63-1A	225,000
CDR6H251P6	Dùng cho HDC6H (09 ->38)	25A	1-1.6A	225,000
CDR6H252P5	Dùng cho HDC6H (09 ->38)	25A	1.6-2.5A	225,000
CDR6H254	Dùng cho HDC6H (09 ->38)	25A	2.5-4A	225,000
CDR6H256	Dùng cho HDC6H (09 ->38)	25A	4-6A	225,000
CDR6H258	Dùng cho HDC6H (09 ->38)	25A	5.5-8A	225,000
CDR6H2510	Dùng cho HDC6H (09 ->38)	25A	7-10A	225,000
CDR6H2513	Dùng cho HDC6H (12 ->38)	25A	9-13A	225,000
CDR6H2518	Dùng cho HDC6H (18 ->38)	25A	12-18A	225,000
CDR6H2525	Dùng cho HDC6H (25 ->38)	25A	17-25A	225,000
CDR6H3832	Dùng cho HDC6H (25 ->38)	38A	23-32A	395,000
CDR6H9340	Dùng cho HDC6H (40 ->95)	93A	30-40A	550,000
CDR6H9350	Dùng cho HDC6H (50 ->95)	93A	37-50A	550,000
CDR6H9365	Dùng cho HDC6H (50 ->95)	93A	48-65A	550,000
CDR6H9370	Dùng cho HDC6H (65 ->95)	93A	55-70A	550,000
CDR6H9380	Dùng cho HDC6H (80 ->95)	93A	63-80A	550,000
CDR6H9393	Dùng cho HDC6H (95)	93A	80-93A	620,000

XJ3-G



- ✓ Tiêu chuẩn IEC 60947-5-1
- ✓ Tần số hoạt động: 50/60 Hz
- ✓ Bảo vệ quá áp, thấp áp, mất pha, thứ tự pha

Mã hàng	Điện áp	Đơn giá (VNĐ)
XJ3-G	380V	410,000

CONTACTOR DẠNG TẾP

CDCH6i



- ✓ Tiêu chuẩn IEC61095
- ✓ Điện áp : 220 - 240 VAC
- ✓ Tần số hoạt động: 50/60 Hz

Mã hàng	Số cực	Dòng điện	Tiếp điểm	Đơn giá (VNĐ)
CDCH6i16220	2P	16A	2NO	401,000
CDCH6i20220	2P	20A	2NO	401,000
CDCH6i25220	2P	25A	2NO	401,000
CDCH6i40220	2P	40A	2NO	510,000
CDCH6i63220	2P	63A	2NO	560,000

KHỞ ĐỘNG ĐỘNG CƠ - MPCB

CDP



- ✓ Tiêu chuẩn IEC 60947-1, 60947-2, 60947-4-1
- ✓ Điện áp : 400/415 VAC
- ✓ Tần số hoạt động: 50/60 Hz
- ✓ Số pha: 3P

Mã hàng	Dòng điện cài đặt (A)	Công suất (kw)	Dòng điện bảo vệ (A)	Đơn giá (VNĐ)
CDP632P16	0.1-0.16A RoHS	0,06		620,000
CDP632P25	0.16-0.25A RoHS	0,06		620,000
CDP632P4	0.25-0.4A RoHS	0,09	4,8	620,000
CDP632P63	0.4-0.63A RoHS	0,12	7,56	620,000
CDP6321	0.63-1A RoHS	0,25	12	620,000
CDP6321P6	1-1.6A RoHS	0,37	19,2	620,000
CDP6322P5	1.6-2.5A RoHS	0,75	30	620,000
CDP6324	2.5-4A RoHS	1,5	48	620,000
CDP6326P3	4-6.3A RoHS	2,2	75,6	620,000
CDP63210	6-10A RoHS	4	120	620,000
CDP63214	9-14A RoHS	5,5	168	620,000
CDP63218	13-18A RoHS	7,5	316	690,000
CDP63223	17-23A RoHS	11	276	690,000
CDP63225	20-25A RoHS	11	300	690,000
CDP63232	24-32A RoHS	15	384	690,000
Tiếp điểm phụ mặt bên AN11 1NO+1NC				150,000

CDYN

- ✓ Tiêu chuẩn IEC61643-11
- ✓ Điện áp : 385 VAC
- ✓ Tần số hoạt động: 50/60 Hz



Mã hàng	Số cực	Dòng cắt (kA)	Đơn giá (VNĐ)
CDYN2401	1P	40	390,000
CDYN2405	1P+N	40	710,000
CDYN2406	3P+N	40	1,300,000
CDYN2806	3P+N	80	2,650,000
CDYN21206	3P+N	120	3,800,000
CDYN21606	3P+N	160	5,800,000

RƠ LE HẸN GIỜ

JSZ3



Mã hàng	Điện áp	Loại	Thời gian cài đặt	Đơn giá (VNĐ)
JSZ3A-A-220	220V	On Delay	0,5/5s/30s/3min	321,000
JSZ3A-B-220			1s /10s/60s/6min	321,000
JSZ3A-C-220			5s/50s/5min/30min	321,000
JSZ3A-D-220			10s/100s/10min/60min	321,000
JSZ3F-10S 220		Off Delay	1s -10s	415,000
JSZ3F-30S 220			3s -30s	415,000
JSZ3F-120S 220			12s -120s	415,000
JSZ3F-180S 220			10s -180s	415,000

TỤ BÙ

BSMJS



Loại	Mã hàng	Số pha	Điện áp (V)	KVAR	Đơn giá (VNĐ)
Tụ vuông	BSMJS-0-0.45-5-3-D	3P	0.45kV	5	940,000
	BSMJS-0-0.45-10-3-D	3P	0.45kV	10	970,000
	BSMJS-0-0.45-15-3-D	3P	0.45kV	15	1,100,000
	BSMJS-0-0.45-20-3-D	3P	0.45kV	20	1,571,000
	BSMJS-0-0.45-25-3-D	3P	0.45kV	25	2,002,000
	BSMJS-0-0.45-30-3-D	3P	0.45kV	30	2,600,000
	BSMJS-0-0.45-40-3-M	3P	0.45kV	40	2,650,000
	BSMJS-0-0.45-50-3-Q	3P	0.45kV	50	3,938,000
	BSMJS-0-0.25-2.5-1-D	1P	0.25kV	2.5	780,000
	BSMJS-0-0.25-5-1-D	1P	0.25kV	5	800,000
	BSMJS-0-0.25-10-1-D	1P	0.25kV	10	1,500,000
Tụ tròn	CDCAP3-0.45-10-3	3P	0.45kV	10	1,100,000
	CDCAP3-0.45-15-3	3P	0.45kV	15	1,430,000
	CDCAP3-0.45-20-3	3P	0.45kV	20	1,880,000
	CDCAP3-0.45-25-3	3P	0.45kV	25	2,330,000
	CDCAP3-0.45-30-3	3P	0.45kV	30	2,750,000

ĐÈN BẢO PHA



- ✓ Tiêu chuẩn IEC 60947-5
- ✓ Mức bảo vệ: IP40
- ✓ Đa dạng màu sắc

Mã hàng	Màu sắc	Điện áp	Đơn giá (VNĐ)
LD1122D41M3	Xanh lá	220V	41,000
LD1122D41M4	Đỏ	220V	41,000
LD1122D41M5	Vàng	220V	41,000
LD1122D41M8	Xanh Dương	220V	41,000

NÚT NHẤN



Mã hàng	Màu sắc	NO	NC	Đơn giá (VNĐ)
LAY711BN22	Đen	1	1	57,000
LAY711BN32	Xanh lá	1	1	57,000
LAY711BN42	Đỏ	1	1	57,000
LAY711BN52	Vàng	1	1	57,000
LAY711BN62	Xanh dương	1	1	57,000

NÚT NHẤN CÓ ĐÈN



Mã hàng	Màu sắc	NO	NC	Đơn giá (VNĐ)
LAY5SBW33M5	Xanh lá	1	1	110,000
LAY5SBW34M5	Đỏ	1	1	110,000

CÔNG TẮC XOAY



Mã hàng	Màu sắc	Đặc điểm	NO	NC	Đơn giá (VNĐ)
LAY711XB2022	Đen	2 vị trí	1	1	58,000
LAY711XB2122	Đen	2 vị trí tự trả	1	1	58,000
LAY711XB3022	Đen	3 vị trí	1	1	58,000
LAY720XB3022	Đen	3 vị trí	2	0	58,000

CÔNG TẮC DỪNG KHẨN CẤP



Mã hàng	Màu sắc	NO	NC	Đơn giá (VNĐ)
LAY701ZS42	Đỏ	0	1	78,000
LAY711ZS42	Đỏ	1	1	78,000

TỦ NHỰA ÂM TƯỜNG

CDPZ50

- ✓ Tiêu chuẩn IEC60439-1, IEC60770
- ✓ Cấp bảo vệ: IP30
- ✓ Nhựa chống cháy
- ✓ Từ 6 đến 32 line
- ✓ Đóng gói 1 cái/hộp
- ✓ Tủ điện đã bao gồm đế, ray gắn Aptomat, cầu đấu tiếp địa.

Mã hàng	Số đường	Kích thước (AxBxC)	Đơn giá (VNĐ)
CDPZ50-R6	6	170 x 222 x 90	380,000
CDPZ50-R8	8	206 x 222 x 90	455,000
CDPZ50-R12	12	297 x 222 x 90	530,000
CDPZ50-R16	16	350 x 222 x 90	600,000
CDPZ50-R20	20	419 x 222 x 90	770,000
CDPZ50-R24	24	309 x 390 x 90	1,050,000
CDPZ50-R32	32	415 x 390 x 90	1,300,000



EPSIVO



Biến tần Solar EPSIVO. ES300PV

Model

Power (kW)

G.W. (kg)

Packing
Size (mm)

Price

2SS: AC 1PH INPUT/OUTPUT 220V(-15%~+20%) DC 200V-400V(0.4-2.2kW)

ES300PV-2SS-0R4G

0.4

2

240*170*210

4,786,000

ES300PV-2SS-0R7G

0.75

2

240*170*210

4,860,000

ES300PV-2SS-1R5G

1.5

2

240*170*210

6,700,000

ES300PV-2SS-2R2G

2.2

2.4

240*170*260

7,732,000

2S: AC 1PH 220V(-15%~+20%) DC 200V-400V(0.4-2.2kW)

ES300PV-2S-0R4G

0.4

2

240*170*210

4,786,000

ES300PV-2S-0R7G

0.75

2

240*170*210

4,786,000

ES300PV-2S-1R5G

1.5

2

240*170*210

4,860,000

ES300PV-2S-2R2G

2.2

2

240*170*210

6,700,000

ES300PV-2S-004G

7.5

3.5

310*210*240

9,130,000

2T: AC 3PH 220V(-15%~+20%) DC 200V-400V(4-7.5kW)

ES300PV-2T-004G

4

2.4

240*170*260

7,732,000

ES300PV-2T-5R5G

5.5

3.5

310*210*240

11,928,000

ES300PV-2T-7R5G

7.5

9.3

420*340*310

15,904,000

4T:AC 3PH 380V(-15%~+20%) DC 300V-800V(0.75-110kW)

ES300PV-4T-0R7G

0.75

2

240*170*210

4,786,000

ES300PV-4T-1R5G

1.5

2

240*170*210

4,786,000

ES300PV-4T-2R2G

2.2

2

240*170*210

4,860,000

ES300PV-4T-004G

4

2

240*170*210

6,700,000

ES300PV-4T-5R5G

5.5

2.4

240*170*260

7,730,000

ES300PV-4T-7R5G

7.5

3.5

310*210*240

9,130,000

ES300PV-4T-011G

11

3.5

310*210*240

11,928,000

ES300PV-4T-015G

15

9.3

420*340*310

15,904,000

ES300PV-4T-018G

18.5

9.3

420*340*310

17,966,000

ES300PV-4T-022G

22

9.3

420*340*310

20,470,000

ES300PV-4T-030G

30

17.2

550*410*340

27,318,000

ES300PV-4T-037G

37

17.2

550*410*340

30,704,000

ES300PV-4T-045G

45

17.2

550*410*340

45,504,000

ES300PV-4T-055G

55

30.3

690*440*450

48,892,000

ES300PV-4T-075G

75

32.1

690*440*450

58,022,000

ES300PV-4T-090G

90

55.6

885*530*510

75,030,000

ES300PV-4T-110G

110

55.6

885*530*510

liên hệ

New 6 Series | CDB6i

Miniature Circuit Breaker



Nhập khẩu và phân phối bởi

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LINH AN

Địa chỉ: 142 Hoà Hưng, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Website: www.linhanelectric.com

Hotline: 0906 858 162